

Bản án số: 191/2021/HSPT

Ngày: 28/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Điệp, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hình sự thụ lý số 01/TLPT-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo Lê Văn H. Do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 166/2020/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

1. Bị cáo có kháng cáo: Lê Văn H, sinh năm 1978; Nơi ĐKKHKT: Đội 6, thôn V, xã S, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Bố: Lê Minh G; Mẹ: Nguyễn Thị M; Vợ: Ngô Thị L; Có 02 con; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 26/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 tháng tù, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Nhân thân: Ngày 03/12/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 04 tháng 02 ngày tù, về tội: “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Ngày 26/5/2011, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/03/2020 đến ngày 10/04/2020 tại Công an huyện X thì bỏ trốn. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/04/2020 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Trong vụ án còn có: Bị cáo Lê Trọng Đ, Người bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị. Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn H lấy vợ và sinh sống tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Lê Văn H và Lê Trọng Đ là hai đối tượng nghiện ma túy. Để có tiền mua ma túy sử dụng, khoảng 7 giờ 30 phút ngày 30/3/2020, H gọi điện thoại hẹn Đ đến Nhà Văn hóa thôn Đ, xã D, huyện D cùng nhau đi trộm xe máy bán lấy tiền, Đ đồng ý. Sau đó, H lấy xe máy của vợ là chị Ngô Thị L và chở Đ đến thị xã M, tỉnh Nghệ An. Tại đây, H và Đ phát hiện xe máy BKS: 37L1-650.xx là xe của bà Hồ Thị H1 dựng ở lề đường, đang cắm sẵn chìa khóa, Lê Văn H đến mở chìa khóa và nổ máy xe bỏ chạy. Công an thị xã M, tỉnh Nghệ An đã khởi tố vụ án, thu thập các tài liệu, trưng cầu định giá. Tại bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 31/3/2020, kết luận: Xe máy nhãn hiệu Wave&, BKS 37L1-650.xx, có giá trị là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng). Tài sản đã trả cho bị hại.

Sau khi trộm cắp được xe máy của bà H1, Hai và Đ đi đến hiệu cầm đồ. Tại đây, H cầm cố chiếc xe Yamaha của vợ lấy 1.000.000đồng, H đưa cho Đ 600.000đ mua ma túy để cùng nhau sử dụng. Đ chở H bằng xe máy vừa trộm cắp được đến xã G, huyện Q, Nghệ An. Tại đây, Đ mua của một người phụ nữ không quen biết 01 gói ma túy, với giá 300.000đ. Sau khi mua được ma túy, hai đối tượng sử dụng một phần, còn lại cất giấu vào cốp xe. Sau đó, H và Đ bàn nhau đem chiếc máy vừa trộm cắp được ra Hà Nội để bán. Khi đi đến thôn X, xã N, huyện X, thì bị Công an huyện X phát hiện bắt và thu giữ cùng tang vật. Tại Kết luận giám định số 1110/PC09 ngày 31/3/2020, kết luận: Các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong, ký hiệu MI, là ma túy, có tổng khối lượng 0,36g (Không thấy ba sáu gam), loại Heroine.

Công an huyện X đã khởi tố vụ án, bị can và ra lệnh tạm giam đối với Lê Văn H và Lê Trọng Đ, về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. H và Đ bị tạm giam chung tại buồng tạm giam số 01, thuộc Nhà tạm giữ - Công an huyện X. Đến khoảng 10 giờ, ngày 10/4/2020, Lê Văn H tập thể dục trong buồng giam thì làm đổ bức tường xây ngăn cách giữa khu vệ sinh với bộ nằm, bức tường đổ làm lộ 02 thanh sắt loại phi 6, mỗi thanh dài khoảng 01 mét. Thấy bờ tường ở khu vệ sinh bị ẩm ướt, dễ đào, nên H và Đ đã bàn nhau bẻ gãy thanh sắt để đục tường trốn ra ngoài, H và Đ đục bức tường đổ lại vị trí cũ và lấy chiếu phủ lên, nhằm tránh sự phát hiện của cán bộ trực và tiến hành đào tường. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, khi đã đào qua được lớp gạch nung của bức tường, biết sắp đến giờ cán bộ đưa

cơm, nên Đ và H nghỉ không đào nữa. Đến khoảng 12 giờ, anh Lê Minh P và anh Nguyễn Đức C trực gác Nhà tạm giữ đưa cơm cho H và Đ. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, H bảo Đ quần chặn lại giống như người đang ngủ, để tránh sự nghi ngờ của cán bộ trực. Hai dùng cục bê-tông đang dính một đoạn sắt đập vào vị trí đã đào lúc trước, thì tường bị thủng một lỗ đủ để chui người qua. Đ chui ra trước, H chui ra sau và đi về phía bức tường xây bao quanh nhà tạm giữ, do có sự bàn bạc từ trước, tuy tường cao, có giăng thép gai phía trên, nhưng H đã đứng sát vào tường để cho Đ trèo lên vai, khi Đ đã trèo được lên tường, cởi áo khoác, buộc vào thanh sắt trên tường, thả 02 ống tay áo xuống để cho H bám và leo lên, trốn ra khỏi khu vực Công an huyện X. Khi ra đến đường Hồ Chí Minh, Lê Văn H phát hiện sân hè nhà của anh Ngô Đức H2, ở khu phố M, thị trấn Y, huyện X, đang dựng 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Nouvo BKS: 36K3 - xxx.91, cấm sẵn chìa khóa ở xe, nên nảy sinh ý định lấy chiếc xe này bỏ trốn. H vào dắt xe ra, nổ máy và điều khiển xe ra vị trí của Đ chờ, H chở Đ đi về hướng Nghệ An. Khi đi đến địa bàn huyện D, tỉnh Nghệ An, H và Đ lại bàn nhau quay xe đi ra Hà Nội - Bắc Giang, nhằm vượt biên trốn sang Trung Quốc. Đến 11 giờ 00 phút ngày 12/4/2020, khi H và Đ đi đến địa phận xã L, huyện Y, Bắc Giang thì bị bắt và thu giữ chiếc xe máy trên. Kết luận định giá tài sản số 17/KL-ĐGTS ngày 22/4/2020, kết luận: Xe mô tô BKS: 36K3 – xxx.91, có giá trị là 1.560.000đ (Một triệu năm trăm sáu mươi triệu đồng). Tài sản đã trả bị hại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 166/2020/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá, đã quyết định: Căn cứ điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm o Khoản 2 Điều 249; Điểm a Khoản 2 Điều 386; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điểm a Khoản 1 Điều 55; Khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Lê Văn H 30 (Ba mươi) tháng tù, về tội: "Trộm cắp tài sản"; 05 (Năm) năm tù, về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; 03(Ba) năm 06(Sáu) tháng tù, về tội: "Trốn khỏi nơi giam giữ". Tổng hợp hình phạt là: 11 (Mười một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/04/2020 (trừ ngày tạm giữ 30/3/2020 đến 10/04/2020). Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Lê Trọng Đ; xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/12/2020, bị cáo Lê Văn H kháng cáo với nội dung: Bị cáo H bị xét xử với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm là không đúng, bị cáo đã nộp đầy đủ tiền án phí của hai bản án trước, đã được giảm án, được xét tha tù của hai bản án trước. Nay kháng cáo đề nghị giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Trình bày đã chấp hành xong hình phạt tù, đã nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm của Bản án số 128, ngày

26/5/2011 tại Trại cải tạo, nên năm 2011 mới được giảm 03 tháng tù trước thời hạn, đề nghị xem xét giải quyết đúng pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết luận: Bị cáo Lê Văn H bị xử phạt về tội: "Trộm cắp tài sản"; "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; "Trốn khỏi nơi giam giữ" là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo H đã chấp hành xong bản án năm 2011, nên đã được xóa án tích, cấp sơ thẩm xác định tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm là không chính xác, cần sửa án sơ thẩm để xét xử bị cáo H theo Khoản 1 Điều 173 tội: "Trộm cắp tài sản" và điểm c Khoản 1 Điều 249 tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; đối với tội: "Trốn khỏi nơi giam giữ" giữ nguyên điểm a Khoản 2 Điều 386 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mặc dù chuyển khung hình phạt của hai tội nhẹ hơn, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên về hình phạt đối với cả ba tội, bằng mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã quyết định đối với Lê Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo gửi trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. *Về hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp lời khai bị cáo Lê Trọng Đ; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, các kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Tòa án cấp phúc thẩm thống nhất với kết luận của Tòa án cấp sơ thẩm, như sau: Ngày 30/3/2020, Lê Văn H lấy xe máy của chị Ngô Thị L (vợ bị cáo H) và chở Lê Trọng Đ đến thị xã M, tỉnh Nghệ An. Tại đây, H và Đ trộm cắp xe máy Biển kiểm soát(BKS): 37L1-650.xx của bà Hồ Thị H1, có giá trị là 11.000.000đồng. H và Đ mang cầm cố chiếc xe máy của chị Ngô Thị L để lấy 1.000.000đồng, H đưa cho Đ 600.000đồng mua ma túy để sử dụng. Đ chở H bằng xe máy vừa trộm cắp được đến xã G, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Tại đây, Đ mua của một người phụ nữ không quen biết 01 gói ma túy, với giá 300.000đồng. H và Đ sử dụng một phần, còn lại khối lượng 0,36gam, loại Heroine cất giấu vào cốp xe. Sau đó, H và Đ đem chiếc máy vừa trộm cắp được ra Hà Nội để bán, đi đến thôn X, xã N, huyện X bị phát hiện bắt giữ và thu giữ tang vật. Công an huyện X

khởi tố vụ án, bị can, ra lệnh tạm giam đối với Lê Văn H và Lê Trọng Đ, về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. H và Đ bị tạm giam chung tại buồng tạm giam số 01, Nhà tạm giữ - Công an huyện X. Khoảng 10 giờ ngày 10/4/2020, Lê Văn H tập thể dục trong buồng giam thì làm đổ bức tường xây ngăn cách giữa khu vệ sinh với bệ nằm, làm lộ 02 thanh sắt loại phi 6. Thấy bờ tường ở khu vệ sinh bị ẩm ướt, dễ đào, H và Đ bàn nhau bẻ gãy thanh sắt, đục tường trốn ra khỏi khu vực giam giữ. Khi ra đến đường Hồ Chí Minh, Lê Văn H phát hiện ở sân hè nhà của anh Ngô Đức H2 dựng 01 xe máy BKS: 36K3 - xxx.91, trị giá 1.560.000đ. H vào dắt xe, nổ máy và điều khiển xe ra chờ Đ đi về hướng Nghệ An. Đi đến địa bàn huyện D, H và Đ bàn nhau quay xe đi ra Hà Nội - Bắc Giang, nhằm vượt biên trốn sang Trung Quốc. Đến 11 giờ 00 phút ngày 12/4/2020, H và Đ đi đến địa phận xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì bị bắt. Với giá trị tài sản trộm cắp, khối lượng ma túy là Heroin tàng trữ, hành vi trốn khỏi nơi giam giữ như nhận định trên. Hành vi của bị cáo Lê Văn H và bị cáo Lê Trọng Đ đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", "Tàng trữ trái phép chất ma túy", "Trốn khỏi nơi giam giữ" theo các Điều 173, Điều 249, Điều 386 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Văn H và bị cáo Lê Trọng Đ phạm các tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[2]. Về tình tiết định khung hình phạt:

[2.1]. Đối với bị cáo Lê Trọng Đ: Căn cứ hành vi phạm tội, nhân thân năm 2018 bị xét xử và phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích, ngày 30/3/2020 phạm tội, được xác định là tái phạm. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo Lê Trọng Đ xử phạt: 09(chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173; xử phạt: 02(hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 249; xử phạt: 03(ba) năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ” theo điểm a khoản 2 Điều 386 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, mức hình phạt là thỏa đáng. Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị, vì vậy, phần quyết định của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực đối với bị cáo Đ.

[2.2]. Đối với bị cáo Lê Văn H: Thời điểm trước ngày 30/3/2020, Lê Văn H đã ba lần phạm tội và bị xét xử vào các năm 2010, năm 2011 và năm 2018. Căn cứ Bản án hình sự số 101/2010/HSST ngày 03/12/2010, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo Lê Văn H 01 (một) năm 04 (bốn) tháng 02 (hai) ngày tù, về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, bị cáo Hai đã chấp hành xong hình phạt tù và đã nộp án phí hình sự sơ thẩm của bản án. Tại Bản án hình sự số 128/2011/HSST ngày 26/5/2011, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Lê Văn H 02 (hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Hai đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/10/2012, đã được Trại giam Thủ Đức – Tổng cục VIII cấp Giấy chứng nhận; đối với phần án

phí hình sự sơ thẩm, căn cứ Công văn số 113 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh xác định, tính đến thời điểm ngày 12/6/2020, thì Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh chưa chuyển bản án số 128/2011/HSST ngày 26/5/2011 đến, nên đương sự Hai chưa nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tại Công văn số 1730 ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh thể hiện, qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ, thì hồ sơ hình sự sơ thẩm bản án số 128/2011/HSST ngày 26/5/2011, chưa có biên bản thể hiện việc chuyển giao bản án trên cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành bàn giao bản án trên. Như vậy, tính đến thời điểm ngày 17/9/2020, Tòa án mới tiến hành việc chuyển bản án có hiệu lực cho Cơ quan thi hành án, vì vậy, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh chưa ra quyết định thi hành án theo quy định. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015, người bị kết án đương nhiên được xóa án tích trong thời hạn 02(hai) năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm, nếu chấp hành xong các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới. Bị cáo H đã chấp hành xong phần hình phạt tù ngày 23/10/2012, nhưng án phí sơ thẩm chưa chấp hành. Việc Lê Văn H chưa chấp hành xong phần án phí 200.000đồng của bản án số 128/2011/HSST ngày 26/5/2011 là do Tòa án không chuyển giao bản án. Do vậy, Cơ quan thi hành án dân sự chưa thụ lý thi hành án, nên không thể ra quyết định thi hành án đối với phần án phí, việc này không thuộc trường hợp không nhận được thông báo và quyết định thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự, đây là lỗi thuộc cơ quan tiến hành tố tụng. Đồng thời, theo quy định của Luật Thi hành án dân sự, thì thời hiệu thi hành bản án là 05 (năm) năm, đối với các quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật. Khoản tiền phải thi hành là án phí hình sự sơ thẩm, đến thời điểm bị cáo H phạm tội mới ngày 15/3/2018 tại bản án số 55/2018/HSST ngày 26/7/2018, cũng đã quá thời hiệu 05 (năm) năm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Lê Văn H đương nhiên được xác định xóa án tích đối với bản án hình sự sơ thẩm số 128/2011/HSST ngày 26/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, nên bản án này được xem là nhân thân không được tính là tiền án. Đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HSST ngày 26/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An xử phạt Lê Văn H 15 tháng tù, về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Lê Văn H đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/5/2019, tuy nhiên, theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015, do H có hành vi phạm tội mới ngày 30/3/2020 nên chưa được xóa án tích, được xác định là tái phạm theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, với giá trị tài sản trộm cắp, khối lượng ma túy là Heroin tàng trữ, căn cứ nhân thân, hành vi của bị cáo Lê Văn H chỉ phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173, tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo Lê Văn H với tình tiết định khung: “Tái phạm nguy hiểm” đối với tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173, tội

"Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là không chính xác, làm bất lợi cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Đối với hành vi trốn khỏi nơi giam giữ, cấp sơ thẩm xét xử tội: "Trốn khỏi nơi giam giữ" theo điểm a khoản 2 Điều 386 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. *Tính chất hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, bất chấp quy định của pháp luật, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, chất gây nghiện; xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; xâm phạm chế độ quản lý tạm giữ, tạm giam của các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị cáo Hai có nhân thân xấu, đã bị xét xử và xử phạt tù bằng nhiều bản án. Năm 2010, năm 2011 đã bị xét xử về các tội: "Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội: "Trộm cắp tài sản", mặc dù đã được xóa án tích, nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, thể hiện sự coi thường pháp luật. Năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện Q, xử phạt 15 tháng tù, về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chưa được xóa án tích, nay Hai tiếp tục phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án, Lê Văn H là người trực tiếp khởi xướng trộm cắp, dùng xe máy của gia đình để làm phương tiện trộm cắp, cầm cổ xe lấy tiền mua ma túy sử dụng và tàng trữ, lên kế hoạch trốn khỏi nơi giam giữ, trong thời gian ngắn bị cáo liên tiếp phạm nhiều tội, trộm cắp 02 lần, Lê Văn H có vai trò chính trong vụ án. Mặc dù, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo (tuy nhiên trong phần quyết định bản án không áp dụng). Trên cơ sở đánh giá khách quan, đầy đủ các chứng cứ của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đúng tính chất, hành vi, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, tình hình đấu tranh phòng chống với tội phạm tại địa phương, việc cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. *Xét kháng cáo của bị cáo*:

[4.1]. *Kháng cáo tình tiết tái phạm nguy hiểm*: Bị cáo Lê Văn H kháng cáo không tái phạm nguy hiểm là có căn cứ, như nhận định tại mục [2.2] phần [2]. Cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm, áp dụng và xử phạt Lê Văn H theo khoản 1 Điều 173, về tội: "Trộm cắp tài sản"; điểm c khoản 1 Điều 249, về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; giữ nguyên điểm a khoản 2 Điều 386, về tội: "Trốn khỏi nơi giam giữ" của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.2]. *Kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt*: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo ăn năn hối cải, trình bày gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Xét thấy, những căn cứ bị cáo đưa ra đã được cấp sơ

thẩm cân nhắc, xem xét. Ngoài tình tiết giảm nhẹ đã áp dụng, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Mặt khác, như đã nêu trên, bị cáo trong thời gian ngắn liên tục có các hành vi phạm tội trộm cắp, tàng trữ ma túy, khi bị bắt trốn khỏi nơi giam giữ. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hai mức hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội: “Trốn khỏi nơi giam giữ ” là thỏa đáng, cần giữ nguyên. Đối với tội: "Trộm cắp tài sản" và tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" cũng cần có hình phạt nghiêm, tuy nhiên, do bị cáo Hai chỉ bị xét xử với khung hình phạt tại khoản 1 Điều 173, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, cấp phúc thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo H theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về tổng hợp hình phạt:* Bị cáo Lê Văn H do bị xét xử một lần phạm nhiều tội, vì vậy, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt chung theo quy định của pháp luật. (bản án sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự chưa chính xác)

[6]. *Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:* Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa được chấp nhận một phần.

[7]. *Về án phí:* Bị cáo kháng cáo được chấp nhận, không phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn H.
2. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm 166/2020/HSST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm a Khoản 2 Điều 386; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điểm a Khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn H: 02 (hai) năm tù, về tội: "Trộm cắp tài sản"; 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội: "Trốn khỏi nơi giam giữ". Tổng hợp hình phạt chung cho cả ba tội là: 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày

12/04/2020, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 30/3/2020 đến ngày 10/04/2020.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Văn H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo H (qua Trại tạm giam);
- Lưu HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Đình Lực